TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Trương Thị H, sinh năm 1993;

/ Bị đơn**:** Anh Kiều Quang T, sinh năm 1992;

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn NH, xã BLQ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Trương Thị H là nguyên đơn trình bày: chị và anh Kiều Quang T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lưu Hoàng (nay là xã BLQ) năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau về cơ bản không có mâu thuẫn gì to, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nhưng mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Tuy nhiên, đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh T có hành vi ngoại tình, không thường xuyên chăm lo cho con cái, gia đình. Chị nhiều lần tha thứ, gia đình hai bên nhiều lần hoà giải nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi. Do mâu thuẫn căng

thẳng nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, chị cũng không muốn tiếp tục chung sống với anh T, hôn nhân anh chị không hạnh phúc nên chị làm đơn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: anh chị có 2 con chung: Kiều Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2013 và Kiều Ngọc Thảo My, sinh ngày 02/8/2017. Kể từ khi sống ly thân đến nay, cả hai con chung đều đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện chị đang lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng của tôi là 10.000.000đồng/tháng. Chị làm giờ hành chính nên đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi dưỡng chăm sóc con.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải hai vợ chồng chị vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T, chị bận công việc, nhà lại ở xa nên để tránh mất thời gian của các bên và của Tòa án, chị đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải, cũng xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc khác của Tòa, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án vì chị biết anh T sẽ không đến Tòa án làm việc.

Bị đơn anh Kiều Quang T: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã BLQ, Công an xã BLQ thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H, sinh năm 1993 là người ở xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; tự nguyện kết hôn với anh Kiều Quang T, sinh năm 1992 tại UBND xã Lưu Hoàng (nay là xã BLQ) ngày 18/02/2013; Sau khi kết hôn chị H chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh T ở thôn NH, xã BLQ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết khoảng 2 năm gần đây chị H cùng con không sống cùng nhà với anh T; Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị H và anh T có 02 con chung: Kiều Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2013 và Kiều Ngọc Thảo My, sinh ngày 02/8/2017. Hiện nay cả 2 con chung đều không thấy ở nhà T và bố mẹ đẻ anh T.

Về nơi cư trú của anh T: anh T có đăng ký thường trú và sống cùng nhà với mẹ đẻ là bà Lê Thị Na và em trai là Kiều Quang Hạnh tại thôn NH, xã BLQ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Bố đẻ anh T đã chết. Anh T đi làm việc xa nhà, thỉnh thoảng mới về nhà và địa phương nhưng không rõ nơi làm việc của anh T ở đâu, không rõ thời điểm anh T trở về là khi nào. Việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án

cho anh T không thực hiện được. Toà án tống đặt văn bản tố tụng cho anh Hạnh là em trai anh T nhận thay và nhận trách nhiệm giao lại ngày trong ngày cho anh T.

* Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, xin vắng mặt, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T; giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị H nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị H và anh Kiều Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lưu Hoàng (nay là xã BLQ) ngày 18/02/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung, anh T có hành vi ngoại tình, không thường xuyên chăm lo cho con cái, gia đình, do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H cương quyết xin được ly hôn với anh T; anh T không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Kiều Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2013 và Kiều Ngọc Thảo My, sinh ngày 02/8/2017. Hiện tại, cả hai cháu đang ở với chị H và ông bà ngoại. Chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh T không đến Tòa để trình bày nguyện vọng. Hai con chung Đạt và My đều có đơn trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, các cháu ở với ai cũng được. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi T sống và học tập của các con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Trương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh T không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị H được ly hôn anh Kiều Quang T.

2. Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Kiều Quang T có 02 con chung là: Kiều Thành Đạt, sinh ngày 02/12/2013 và Kiều Ngọc Thảo My, sinh ngày 02/8/2017. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực

tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: Chị Trương Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012236 ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục THADS huyện□ng Hoà;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

Nguyễn Văn Thiện